

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA CÔNG NGHỆ
BỘ MÔN QUẢN LÝ CÔNG NGHIỆP**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC**

LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

Cần Thơ, tháng 9 năm 2022

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ ĐẠI HỌC
NGÀNH LOGISTICS VÀ QUẢN LÝ CHUỖI CUNG ỨNG

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-ĐHCT ngày 22.02.2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng
Tên chương trình (tiếng Anh)	Logistics and Supply chain management
Mã số ngành đào tạo	7510605
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Cử nhân
Trình độ đào tạo	Đại học
Số tín chỉ yêu cầu	141 tín chỉ
Hình thức đào tạo	Chính quy
Thời gian đào tạo	4 năm
Đối tượng tuyển sinh	Người có bằng tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4
Điều kiện tốt nghiệp	- Tích lũy đủ các học phần và số tín chỉ quy định trong chương trình đào tạo; điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4); - Hoàn thành các học phần điều kiện. Ngoài ra, điểm trung bình chung các học phần Giáo dục quốc phòng và An ninh phải đạt từ 5,0 trở lên (theo thang điểm 10); - Không bị truy cứu trách nhiệm hình sự, không bị kỷ luật ở mức đình chỉ học tập trong năm học cuối.

Vị trí việc làm	- Phân tích dữ liệu, xác định các vấn đề và đề xuất các giải pháp nhằm quản lý hiệu quả các hoạt động logistics và chuỗi cung ứng. - Hoạch định vật tư: Phối hợp với các bộ phận thu mua, sản xuất, và nhà cung cấp nhằm đảm bảo việc phân phối nguyên vật liệu hiệu quả, tin cậy, và tiết kiệm chi phí. - Quản lý và lập kế hoạch sản xuất: Điều phối các kế hoạch sản xuất và dự báo nhu cầu trong tương lai. - Quản lý các hệ thống vận tải, phân phối: Quản lý các mối quan hệ với nhà cung cấp dịch vụ logistics và khách hàng nhằm đảm bảo hàng hóa được vận chuyển đến khách hàng đúng lúc, đúng số lượng, và đảm bảo các yêu cầu về chất lượng, hoá đơn. - Quản lý nhà cung cấp: Xác định các nguồn cung cấp, đánh giá và lựa chọn nhà cung cấp, thương thảo hợp đồng, và quản lý các mối quan hệ với nhà cung cấp. - Quản lý tồn kho: Chịu trách nhiệm về tính chính xác, chất lượng của tồn kho. Quản lý dòng tồn kho, cũng như các chiến lược về xuất nhập và quản lý hàng hóa nhằm tối ưu hoá các nguồn lực liên quan như con người, cơ sở vật chất, phương tiện, và thiết bị. - Quản lý vận hành tại các bến cảng: lập kế hoạch, quản lý quá trình vận hành tại bến cảng nhằm đảm bảo quá trình vận chuyển, bốc dỡ hàng hóa được thực hiện hiệu quả. - Quản lý quy trình xuất nhập khẩu: quản lý các thủ tục hải quan, quy trình xuất nhập khẩu đường hàng không và đường biển.
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	- Hình thành kỹ năng tự học, thói quen học tập suốt đời, có khả năng cập nhật kiến thức và sự thay đổi của công nghệ. - Người học có khả năng tiếp tục học tập nâng cao trình độ ở các trường đào tạo trong và ngoài nước trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng.
Tham khảo khi xây dựng chương trình đào tạo	- Chuẩn kiểm định AUN-QA. - Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Bách Khoa - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh. - Chương trình đào tạo ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng của Trường Đại học Quốc tế - ĐHQG TP. Hồ Chí Minh.
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 9 năm 2022

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Chương trình Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng trình độ đại học đào tạo cử nhân Logistics và quản lý chuỗi cung ứng có kiến thức chuyên môn toàn diện trong lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có kiến thức, kỹ năng, và thái độ phù hợp để phân tích, đánh giá, thiết kế, vận hành, và cải tiến các hệ thống logistics và chuỗi cung ứng. Cử nhân tốt nghiệp từ ngành có khả năng làm việc độc lập và phối hợp nhóm, sáng tạo trong giải quyết những vấn đề thuộc lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng; có kiến thức cơ bản về khoa học chính trị, xã hội, pháp luật, giáo dục thể chất, quốc phòng và an ninh; có năng lực tự chủ và trách nhiệm, phẩm chất chính trị, đạo đức, năng lực thích ứng với những thay đổi, có năng lực nghiên cứu khoa học và học tập suốt đời; có sức khỏe đáp ứng được những yêu cầu hoàn thiện bản thân của người học, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội của đất nước và yêu cầu hội nhập quốc tế.

2.2. Mục tiêu cụ thể

Mục tiêu cụ thể của Chương trình là:

a. Trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật phù hợp với khung trình độ quốc gia, kiến thức về khoa học tự nhiên, quốc phòng - an ninh, giáo dục thể chất; có kỹ năng sử dụng tiếng Việt, tiếng Anh và công nghệ thông tin phù hợp với quy định hiện hành và phục vụ tốt cho sự phát triển bền vững.

b. Trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chuyên môn và các công cụ cần thiết để phân tích, đánh giá, thiết kế, triển khai, vận hành, và đưa ra các quyết định cải tiến hiệu quả hoạt động của hệ thống logistics và chuỗi cung ứng cho cơ quan, doanh nghiệp.

c. Sinh viên có khả năng làm việc độc lập, làm việc nhóm, kỹ năng giao tiếp, kỹ năng truyền đạt thích ứng với đa dạng phương thức và môi trường làm việc, năng lực nhận thức liên quan đến tư duy phản biện, phân tích, đánh giá, tổng hợp và sáng tạo, kỹ năng ra quyết định, kỹ năng lãnh đạo đáp ứng nguồn nhân lực chất lượng cao phù hợp với khung trình độ quốc gia và sứ mệnh của nhà Trường.

d. Rèn luyện sinh viên có tác phong chuyên nghiệp, tự chịu trách nhiệm về đạo đức và nghề nghiệp trong thực hiện nhiệm vụ, kỹ năng học tập suốt đời; có khả năng nghiên cứu khoa học, năng lực học tập sau đại học ngành Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng và các ngành có liên quan.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình sinh viên có khả năng:

3.1. Kiến thức

3.1.1. Khối kiến thức giáo dục đại cương

a. Nắm vững nội dung cơ bản về khoa học chính trị, các chủ trương, đường lối phát triển kinh tế-xã hội của Đảng và Nhà nước, kiến thức cơ bản về giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng – an ninh, kiến thức về khoa học xã hội và pháp luật, các kỹ năng mềm cần thiết trong quá trình học tập và làm việc.

b. Hiểu và vận dụng được những nội dung cơ bản về toán học và khoa học tự nhiên liên quan đến các vấn đề thuộc lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng, kiến thức cơ bản về tiếng Anh hoặc tiếng Pháp tương đương trình độ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam (B1 theo khung tham chiếu Châu Âu).

3.1.2. Khối kiến thức cơ sở ngành

- a. Liên hệ các kiến thức kinh tế và kỹ thuật có liên quan trong các bài toán ra quyết định thuộc lĩnh vực logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
- b. Giải thích các kiến thức cơ bản về quản lý hệ thống logistics và chuỗi cung ứng;
- c. Đánh giá các phương pháp thiết kế thực nghiệm, thu thập, phân tích và xử lý dữ liệu, các phần mềm ứng dụng cơ bản trong quản lý, điều hành hệ thống.

3.1.3. Khối kiến thức chuyên ngành

- a. Vận dụng những kiến thức chuyên môn về quản lý, vận hành hệ thống logistics và chuỗi cung ứng;
- b. Phân tích, mô hình hóa và giải quyết các vấn đề thuộc chuyên ngành logistics và quản lý chuỗi cung ứng;
- c. Vận dụng các công cụ, phần mềm sử dụng trong quản lý, điều hành, thiết kế và tối ưu hệ thống logistics và chuỗi cung ứng.

3.2. Kỹ năng

3.2.1. Kỹ năng cứng

- a. Phân tích và đánh giá thực nghiệm nhằm rút ra kết luận và đề xuất giải pháp quản lý hiệu quả hệ thống logistics và chuỗi cung ứng;
- b. Thiết kế và cải tiến nhằm tối ưu hóa hệ thống logistics và chuỗi cung ứng;
- c. Sử dụng thành thạo và phối hợp các kỹ thuật, công cụ, phần mềm cần thiết để làm việc trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng.

3.2.2. Kỹ năng mềm

- a. Sử dụng thành thạo ngôn ngữ tiếng Anh (tương đương trình độ B1); Sử dụng kỹ năng đọc, viết, trình bày và truyền đạt các vấn đề chuyên môn một cách hiệu quả.
- b. Vận dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp trong môi trường làm việc và học tập đa văn hóa, đa ngành; Vận dụng hiệu quả phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp, kỹ năng làm việc nhóm và kỹ năng lãnh đạo.

3.3. Thái độ/Mức độ tự chủ và trách nhiệm cá nhân

- a. Hình thành tính kỷ luật và tác phong công nghiệp, phẩm chất chính trị, đạo đức, ý thức và tinh thần trách nhiệm công dân; hình thành thái độ cầu tiến và vượt khó, sự tự tin, lòng nhiệt tình, niềm đam mê, khả năng thích nghi đối với sự thay đổi; hình thành phương pháp làm việc khoa học, chuyên nghiệp;
- b. Hình thành năng lực tổ chức công việc, tự nghiên cứu và chịu trách nhiệm trước lãnh đạo hoặc tập thể về các công việc mình làm; hình thành thói quen học tập suốt đời, chủ động lên kế hoạch phát triển nghề nghiệp cho bản thân

4. Tiêu chí tuyển sinh

Căn cứ theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và đề án tuyển sinh hằng năm của Trường Đại học Cần Thơ.

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu đào tạo (2)	Chuẩn đầu ra (3)															
	Kiến thức (3.1)								Kỹ năng (3.2)						Thái độ (3.3)	
	Khối kiến thức giáo dục đại cương (3.1.1)		Khối kiến thức cơ sở ngành (3.1.2)			Khối kiến thức chuyên ngành (3.1.3)			Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)				
	a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b	
2.2.a	x	x										x		x		
2.2.b			x	x	x	x	x	x	x	x	x					
2.2.c	x											x	x			
2.2.d														x	x	

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)													
			Kiến thức (3.1)							Kỹ năng (3.2)					Thái độ (3.3)	
			Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)			Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)			
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b		
Khối kiến thức Giáo dục đại cương																
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	x												x	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	x												x	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	x												x	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	x												x	
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	x												x	
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)		x									x			
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)		x									x			
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)		x									x			
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)		x									x			
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)		x									x			
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)		x									x			
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)		x									x			
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)		x									x			
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)		x									x			
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1(*)		x									x			
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2(*)		x									x			
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3(*)		x									x			
18	TN033	Tin học căn bản (*)		x								x				
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)		x								x				

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)														
			Kiến thức (3.1)							Kỹ năng (3.2)						Thái độ (3.3)	
			Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)			Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)				
			a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	x												x		
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	x												x		
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	x												x		
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	x												x		
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	x												x		
25	KL001E	Pháp luật đại cương	x												x		
26	ML007	Logic học đại cương	x										x				
27	XH028	Xã hội học đại cương	x											x			
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	x											x			
29	KN001	Kỹ năng mềm	x											x			
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	x											x		x	
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	x														
32	XH014	Văn bản & lưu trữ học đại cương	x														
33	TN099	Vi - tích phân		x						x							
34	TN010	Xác suất thống kê		x						x							
35	TN013	Đại số tuyến tính		x						x							
Khối kiến thức cơ sở ngành																	
36	CN100	Nhập môn kỹ thuật				x							x	x		x	
37	KT103	Quản trị học				x				x				x	x		
38	CN542	Kinh tế kỹ thuật			x					x			x		x		
39	CN208E	Vận trù học 1 - QLCN			x					x			x		x		
40	KC131	Toán ứng dụng - QLCN				x				x		x				x	
41	CN340E	Quản lý sản xuất công nghiệp			x					x				x		x	
42	KC132E	Quản lý chuỗi cung ứng				x					x			x	x		
43	KC134	Quản lý Logistics				x					x			x	x		
44	KC135E	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp			x					x			x			x	
45	KC136	Kiểm soát và quản lý chất lượng				x					x	x	x		x		
46	KC137	Quản lý dự án công nghiệp			x					x				x		x	
47	KC138	Tin học ứng dụng-Logistics				x						x				x	
48	KC139	Anh văn chuyên môn - Logistics				x							x			x	
Khối kiến thức chuyên ngành																	
49	KC338	Vận tải hàng hóa					x		x			x			x		

Học phần			Chuẩn đầu ra (3)													
			Kiến thức (3.1)							Kỹ năng (3.2)					Thái độ (3.3)	
			Giáo dục đại cương (3.1.1)		Cơ sở ngành (3.1.2)			Chuyên ngành (3.1.3)		Kỹ năng cứng (3.2.1)			Kỹ năng mềm (3.2.2)			
a	b	a	b	c	a	b	c	a	b	c	a	b	a	b		
50	KC413	Thiết kế và vận hành nhà kho						x					x	x	x	
51	KC414	Quản lý thu mua						x			x		x		x	
52	KC415	Quản lý hệ thống phân phối						x				x				x
53	KC416	Marketing Logistics						x			x			x		x
54	KC417	Hệ thống thông tin Logistics							x			x		x		x
55	CN551	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ						x			x		x		x	
56	KC418E	Mô hình ra quyết định trong chuỗi cung ứng						x			x	x		x		x
57	KC419	Mô hình hóa và mô phỏng- Logistics								x		x	x		x	
58	KC420	Đồ án Logistics 1 (Thiết kế hệ thống Logistics)							x			x		x		x
59	KC421	Đồ án Logistics 2 (Phân tích tính khả thi hệ thống Logistics)							x	x			x	x		x
60	KC422	Đồ án mô hình hóa và mô phỏng - Logistics								x		x	x			x
61	KC423	Thực tập ngành nghề - Logistics						x	x		x				x	x
62	KC424	Khai thác dữ liệu trong chuỗi cung ứng								x			x	x		x
63	CN552E	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học									x			x		x
64	KC393	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm							x			x			x	x
65	KC425	Thiết kế vị trí và mặt bằng hệ thống công nghiệp							x		x				x	x
66	KC426	Quản lý kỹ thuật và công nghệ							x		x				x	x
67	KC427	Lập kế hoạch & Vận hành cảng						x				x			x	x
68	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương						x			x			x		x
69	KT224E	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương						x			x			x		x
70	KT337	Thương mại điện tử						x				x			x	
71	KT316	Kinh doanh quốc tế						x				x		x		x
72	KT286	Quản trị rủi ro kinh doanh							x		x					
73	KC431	Luận văn tốt nghiệp - Logistics						x	x		x	x	x	x		x
74	KC432	Tiểu luận tốt nghiệp - Logistics						x	x		x	x	x	x		x
75	KC428	Quy hoạch công nghiệp							x				x		x	
76	KC429	Logistics quốc tế							x			x			x	x
77	KC430	Quản lý logistics ngược và tính bền vững							x			x			x	x
78	KC392	Sản xuất tinh gọn						x				x			x	x
79	CN212	Kỹ thuật hệ thống						x				x			x	x

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 379/QĐ-ĐHCT ngày 22.02.2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, Chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Khối lượng kiến thức toàn khóa	: 141 tín chỉ
Khối kiến thức giáo dục đại cương	: 48 tín chỉ (Bắt buộc: 33 tín chỉ; Tự chọn: 15 tín chỉ)
Khối kiến thức cơ sở ngành	: 38 tín chỉ (Bắt buộc: 38 tín chỉ; Tự chọn: 0 tín chỉ)
Khối kiến thức chuyên ngành	: 55 tín chỉ (Bắt buộc: 35 tín chỉ; Tự chọn: 20 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
Khối kiến thức Giáo dục đại cương										
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành		
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành		
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành		
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành		
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	1+1+1		3		90			I,II,III
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		AV	60				I,II,III
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3			45			XH023	I,II,III
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3			45			XH024	I,II,III
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4			60			XH025	I,II,III
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3			45			XH031	I,II,III
11	XH033	Anh văn tăng cường 3 (*)	3			45			XH032	I,II,III
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4		PV	60				I,II,III
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3			45			FL001	I,II,III
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3			45			FL002	I,II,III
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4			60			FL003	I,II,III
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3			45			FL007	I,II,III
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3			45			FL008	I,II,III
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15				I,II
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60			I,II,III
20	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45				I,II,III
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014		I,II,III
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016		I,II,III
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018		I,II,III
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019		I,II,III
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30				I,II,III
26	ML007	Logic học đại cương	2			30				I,II,III
27	XH028	Xã hội học đại cương	2			30				I,II,III
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30				I,II,III
29	KN001	Kỹ năng mềm	2		2	20	20			I,II,III
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20			I,II,III
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30				I,II,III
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30				I,II,III
33	TN099	Vi - tích phân	4	4		60				I,II,III
34	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45				I,II,III
35	TN013	Đại số tuyến tính	2	2		30				I,II,III
Cộng: 48 TC (Bắt buộc: 33 TC; Tự chọn: 15 TC)										
Khối kiến thức cơ sở ngành										
36	CN100	Nhập môn kỹ thuật	2	2		15	30			I, II

TT	Mã số học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Học phần tiên quyết	Học phần song hành	HK thực hiện
37	KT103	Quản trị học	3	3		45				I, II
38	CN542	Kinh tế kỹ thuật	3	3		30	30			I, II
39	CN208E	Vận trù học 1 - QLCN	3	3		30	30			I, II
40	KC131	Toán ứng dụng - QLCN	3	3		30	30	TN010		I, II
41	CN340E	Quản lý sản xuất công nghiệp	3	3		30	30			I, II
42	KC132E	Quản lý chuỗi cung ứng	3	3		30	30	CN340E		I, II
43	KC134	Quản lý Logistics	3	3		30	30			I, II
44	KC135E	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	3		30	30			I, II
45	KC136	Kiểm soát và quản lý chất lượng	3	3		30	30	TN010		I, II
46	KC137	Quản lý dự án công nghiệp	3	3		30	30			I, II
47	KC138	Tin học ứng dụng-Logistics	3	3			90	CN208H		I, II
48	KC139	Anh văn chuyên môn-Logistics	3	3		45				I, II
Cộng: 38 TC (Bắt buộc: 38 TC; Tự chọn: 0 TC)										
Khối kiến thức chuyên ngành										
49	KC338	Vận tải hàng hóa	3	3		30	30			I, II
50	KC413	Thiết kế và vận hành nhà kho	3	3		30	30			I, II
51	KC414	Quản lý thu mua	3	3		30	30			I, II
52	KC415	Quản lý hệ thống phân phối	3	3		30	30			I, II
53	KC416	Marketing Logistics	3	3		30	30			I, II
54	KC417	Hệ thống thông tin Logistics	3	3		30	30			I, II
55	CN551	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ	3	3		30	30			I, II
56	KC418E	Mô hình ra quyết định trong chuỗi cung ứng	3	3		30	30			I, II
57	KC419	Mô hình hóa và mô phỏng - Logistics	3	3		30	30			I, II
58	KC420	Đồ án Logistics 1 (Thiết kế hệ thống Logistics)	2	2			60	KC134		I, II
59	KC421	Đồ án Logistics 2 (Phân tích tính khả thi hệ thống Logistics)	2	2			60	KC420		I, II
60	KC422	Đồ án mô hình hóa và mô phỏng - Logistics	2	2			60	KC419		I, II
61	KC423	Thực tập ngành nghề- Logistics	2	2			60			I, II
62	KC424	Khai thác dữ liệu trong chuỗi cung ứng	3			30	30			I, II
63	CN552E	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2			15	30			I, II
64	KC393	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	3			30	30			I, II
65	KC425	Thiết kế vị trí và mặt bằng hệ thống công nghiệp	3			30	30			I, II
66	KC426	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	3			30	30			I, II
67	KC427	Lập kế hoạch và Vận hành cảng	3			30	30			I, II
68	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3			45				I, II
69	KT224E	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3			45				I, II
70	KT337	Thương mại điện tử	2			30				I, II
71	KT316	Kinh doanh quốc tế	3			45				I, II
72	KT286	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3			45				I, II
73	KC431	Luận văn tốt nghiệp- Logistics	10				300	≥ 105 TC		I, II
74	KC432	Tiểu luận tốt nghiệp- Logistics	4				120	≥ 105 TC		I, II
75	KC428	Quy hoạch công nghiệp	3			30	30			I, II
76	KC429	Logistics quốc tế	3			30	30			I, II
77	KC430	Quản lý logistics ngược và tính bền vững	3			30	30			I, II
78	KC392	Sản xuất tinh gọn	3			30	30			I, II
79	CN212	Kỹ thuật hệ thống	2			30				I, II
Cộng: 55 TC (Bắt buộc: 35 TC; Tự chọn: 20 TC)										
Tổng cộng: 141 TC (Bắt buộc: 106 TC; Tự chọn: 35 TC)										

3. Kế hoạch dạy học

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
Học kỳ 1									
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	2		37	8	Bố trí theo nhóm ngành	
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	2		22	8	Bố trí theo nhóm ngành	
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	2		14	16	Bố trí theo nhóm ngành	
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	2		4	56	Bố trí theo nhóm ngành	
5	TN010	Xác suất thống kê	3	3		45			
6	KL001E	Pháp luật đại cương	2	2		30			
		Cộng	13	13	0				
Học kỳ 2									
1	TC100	Giáo dục thể chất 1 (*)	1		1		30		
2	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4		4	60			
3	ML014	Triết học Mác - Lênin	3	3		45			
4	TN033	Tin học căn bản (*)	1	1		15			
5	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	2			60		
6	TN013	Đại số tuyến tính	2	2		30	0		
7	TN099	Vi - tích phân	4	4		60			
8	CN340E	Quản lý sản xuất công nghiệp	3	3		30	30		
		Cộng	20	15	5	240	120		
Học kỳ 3									
1	TC100	Giáo dục thể chất 2 (*)	1		1		30		
2	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3		3	45		XH023	
3	CN100	Nhập môn kỹ thuật	2	2		15	30		
4	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	2		30		ML014	
5	CN208E	Vận trù học 1-QLCN	3	3		30	30		
6	KC132E	Quản lý chuỗi cung ứng	3	3		30	30	CN340E	
7	ML007	Logic học đại cương	2		2	30			SV tự chọn
8	XH028	Xã hội học đại cương	2			30			
9	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2			30			
10	XH012	Tiếng Việt thực hành	2			30			
11	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2			30			
12	KN001	Kỹ năng mềm	2			20	20		
13	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2			20	20		
14	CN542	Kinh tế kỹ thuật	3	3		30	30		
		Cộng	19	13	6	370	190		
Học kỳ 4									
1	TC100	Giáo dục thể chất 3 (*)	1		1		30		
2	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3		3	45		XH024	
3	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	2		30		ML016	
4	KC135E	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	3		30	30		
5	KC131	Toán ứng dụng	3	3		30	30	TN010	
6	KC134	Quản lý Logistics	3	3		30	30		
7	KT103	Quản trị học	3	3		45			
8	KC338	Vận tải hàng hóa	3	3		30	30		
		Cộng	21	17	4	240	150		
Học kỳ 5									
1	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	2		30		ML018	
2	KC136	Kiểm soát và quản lý chất lượng	3	3		30	30	TN010	
3	KC137	Quản lý dự án công nghiệp	3	3		30	30		
4	KC139	Anh văn chuyên môn-Logistics	3	3		45			
5	KC413	Thiết kế và vận hành nhà kho	3	3		30	30		
6	KC420	Đồ án Logistics 1 (Thiết kế hệ thống Logistics)	2	2			60	KC134	
7	KC414	Quản lý thu mua	3	3		30	30		
		Cộng	19	19	0	195	180		
Học kỳ 6									
1	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	2		30		ML019	

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Tiết LT	Tiết TH	HP tiên quyết	Ghi chú
2	CN551	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ	3	3		30	30		
3	KC138	Tin học ứng dụng-Logistics	3	3		0	90	CN208E	
4	KC421	Đồ án Logistics 2 (Phân tích tính khả thi hệ thống Logistics)	2	2			60	KC420	
5	KC419	Mô hình hóa và mô phỏng- Logistics	3	3		30	30		
6	KC415	Quản lý hệ thống phân phối	3	3		30	30		
7	KC416	Marketing Logistics	3	3		30	30		
		Cộng	19	19	0	150	270		
Học kỳ Hè									
1	KC423	Thực tập ngành nghề- Logistics	2	2			60		
		Cộng	2	2			60		
Học kỳ 7									
1	KC418E	Mô hình ra quyết định trong chuỗi cung ứng	3	3		30	30		
2	KC417	Hệ thống thông tin Logistics	3	3		30	30		
3	KC442	Đồ án mô hình hóa và mô phỏng - Logistics	2	2			60	KC419	
4	KC424	Khai thác dữ liệu trong chuỗi cung ứng	3		10	30	30		
5	CN552E	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2			15	30		
6	KC393	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	3			30	30		
7	KC425	Thiết kế vị trí và mặt bằng HTCN	3			30	30		
8	KC426	Quản lý kỹ thuật và công nghệ	3			30	30		
9	KC427	Lập kế hoạch & Vận hành cảng	3			30	30		
10	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3			45			
11	KT224E	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3			30	30		
12	KT337	Thương mại điện tử	2			30			
13	KT316	Kinh doanh quốc tế Anh	3			30	30		
14	KT286	Quản trị rủi ro kinh doanh	3			45			
		Cộng	18	8	10	405	360		
Học kỳ 8									
1	KC431	Luận văn tốt nghiệp- Logistics	10		10		300	≥ 105 TC	
2	KC432	Tiểu luận tốt nghiệp- Logistics	4				120	≥ 105 TC	
3	KC428	Quy hoạch công nghiệp	3			30	30		
4	KC429	Logistics quốc tế	3			30	30		
5	KC430	Quản lý logistics ngược và tính bền vững	3			30	30		
6	KC392	Sản xuất tinh gọn	3			30	30		
7	CN212	Kỹ thuật hệ thống	2			30			
		Cộng	10	0	10	90	510		
		Tổng	141	106	35				

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	QP010E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 1 (*)	2	Đề cập lý luận cơ bản của Đảng về đường lối quân sự, bao gồm: những vấn đề cơ bản Học thuyết Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ Tổ quốc; các quan điểm của Đảng về chiến tranh nhân dân, xây dựng lực lượng vũ trang, nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; các quan điểm của Đảng về kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh. Dành thời lượng nhất định giới thiệu một số nội dung cơ bản về lịch sử nghệ thuật quân sự Việt Nam qua các thời kỳ. Xây dựng, bảo vệ chủ quyền biên giới, chủ quyền biển đảo, an ninh quốc gia và đảm bảo trật tự an toàn xã hội.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
2	QP011E	Giáo dục quốc phòng và An ninh 2 (*)	2	Được lựa chọn những nội dung cơ bản nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh của Đảng, Nhà nước trong tình hình mới, bao gồm: xây dựng lực lượng dân quân, tự vệ, lực lượng dự bị động viên, tăng cường tiềm lực cơ sở vật chất, kỹ thuật quốc phòng, đánh bại chiến lược "diễn biến hòa bình", bạo loạn lật đổ của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam. Học phần đề cập một số vấn đề về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc, tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; đấu tranh phòng chống tội phạm và giữ gìn trật tự an toàn xã hội, đấu tranh phòng chống vi phạm pháp luật trên không gian mạng và các mối đe dọa an ninh phi truyền thống ở Việt Nam.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
3	QP012	Giáo dục quốc phòng và An ninh 3 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kiến thức cơ bản về chế độ sinh hoạt, nề nếp chính qui, kỹ năng cơ bản thực hành các động tác Điều lệnh đội ngũ và các kỹ năng quân sự cần thiết, hiểu biết kiến thức cơ bản về bản đồ, địa hình quân sự, phòng chống địch tiến công bằng vũ khí công nghệ cao, rèn luyện sức khỏe qua các nội dung quân sự	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
4	QP013	Giáo dục quốc phòng và An ninh 4 (*)	2	Lý thuyết kết hợp với thực hành nhằm trang bị cho người học một số kỹ năng cơ bản thực hành kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK, rèn luyện kỹ năng sử dụng lựu đạn trong chiến đấu, kỹ năng thực hành chiến đấu trong tiến công, phòng ngự và làm nhiệm vụ canh gác, cảnh giới.	Trung tâm Giáo dục Quốc phòng và An ninh
5	TC100	Giáo dục thể chất 1+2+3 (*)	3	Học phần Giáo dục Thể chất không chuyên 1+2+3 là học phần chung tượng trưng cho các học phần Giáo dục Thể chất sinh viên không chuyên ngành Giáo dục Thể chất phải học để hoàn thành chương trình đào tạo của ngành mình. Để hoàn thành học phần Giáo dục thể chất sinh viên không đăng ký học phần TC100 mà thay vào đó sinh viên phải đăng ký vào từng học phần cụ thể tùy theo khả năng và nhu cầu muốn học như: Học phần Taekwondo thì sinh viên đăng ký 03 học phần: Taekwondo 1(TC003), Taekwondo 2(TC004), Taekwondo 3,(TC019), các học phần Giáo dục Thể chất khác cũng tương tự...	Bộ môn Giáo dục Thể chất
6	XH023	Anh văn căn bản 1 (*)	4	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 1 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về những thông tin cá nhân, gia đình, nơi ở, những vật dụng trong đời sống hàng ngày, các môn thể thao, các hoạt động trong thời gian rảnh và mua sắm cơ bản. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	
7	XH024	Anh văn căn bản 2 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 2 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về miền quê, thành phố các em yêu thích, ẩm thực, du lịch, thời trang, tiền bạc. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
8	XH025	Anh văn căn bản 3 (*)	3	Chương trình môn Tiếng Anh căn bản 3 cung cấp cho sinh viên từ vựng tiếng Anh thông dụng trong giao tiếp căn bản, tập trung vào các mảng đề tài như giới thiệu về các thể loại phim ảnh, khoa học công nghệ, du lịch và môi trường tự nhiên. Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp một số tình huống giao tiếp căn bản bằng tiếng Anh về các chủ đề này, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu phát triển năng lực ngoại ngữ ở trình độ A2 cho sinh viên theo khung 6 bậc (VSTEP Việt Nam).	Khoa Ngoại ngữ
9	XH031	Anh văn tăng cường 1 (*)	4	Học phần Tiếng Anh tăng cường 1 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
10	XH032	Anh văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 2 (trong chương trình Tiếng Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Khoa Ngoại ngữ
11	XH033	Anh văn	3	Học phần Tiếng Anh tăng cường 3 (trong chương trình Tiếng	Khoa

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		tăng cường 3 (*)		Anh tăng cường 1-3) cung cấp cho sinh viên kiến thức tiếng Anh và cơ hội thực hành các kỹ năng cần thiết phù hợp với yêu cầu về năng lực giao tiếp quốc tế với các tình huống thông dụng. Chương trình thể hiện các nguyên tắc và đặc điểm: (1) hướng đến phát triển năng lực đầu ra theo chuẩn (competency-based learning); (2) phương pháp kết hợp (integrated and blended learning); (3) thúc đẩy tự học (promoting learner independence in learning); (4) thông qua tương tác và thực hành (learning by interaction and by doing); (5) học tập có ý nghĩa (purposeful learning); và (6) tính mềm dẻo (flexibility). Ngoài việc hướng tới phát triển khả năng giao tiếp và sử dụng ngôn ngữ, chương trình giảng dạy còn hướng đến mục tiêu hỗ trợ sinh viên đạt trình độ B1 (bậc 3) trong hệ thống năng lực ngoại ngữ theo khung năng lực dành cho Việt Nam (qua kỳ thi VSTEP).	Ngoại ngữ
12	FL001	Pháp văn căn bản 1 (*)	4	Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày, như giới thiệu bản thân, gia đình, nói về thói quen, sở thích, làm quen và giới thiệu một người nào đó, nói và viết về giờ theo cách thông dụng và hành chính... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học. Qua học phần này, sinh viên sẽ được làm quen với cách phát âm, ngữ điệu, bảng mẫu tự của tiếng Pháp, biết cách chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thời hiện tại, viết một số câu đơn giản	Khoa Ngoại ngữ
13	FL002	Pháp văn căn bản 2 (*)	3	Học phần tiếp tục trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về Ngữ pháp, Ngữ âm, Từ vựng... của tiếng Pháp. Nội dung học phần hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như hỏi thông tin, giải thích, nhận lời mời hay từ chối, nói về ngày làm việc của mình, nói về kế hoạch tương lai... Sinh viên được làm quen với cách hỏi, đặt câu hỏi với các đại từ phức tạp hơn của tiếng Pháp, biết chia động từ nhóm I, nhóm II và một số động từ nhóm III ở thức mệnh lệnh, biết chỉ đường, định vị trong không gian,... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình học.	Khoa Ngoại ngữ
14	FL003	Pháp văn căn bản 3 (*)	3	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như bàn về các ngày lễ, tết, ẩm thực, miêu tả người, đồ vật, quần áo, diễn đạt sự lựa chọn, số lượng, giới thiệu các thành viên trong gia đình, kể lại một câu chuyện quá khứ,... Trong học phần này, sinh viên được làm quen với các bài khoa từ 100 từ trở lên, các bài hội thoại dài hơn, viết các đoạn văn khoảng 100 từ, viết thư. Sinh viên có thể vận dụng những kiến thức về ngữ pháp vào bài viết của mình như phối hợp giống số danh từ, tính từ, chia các động từ ở thời quá khứ, phối hợp các thì ở thời quá khứ,... Sau khi học xong học phần, sinh viên cũng sẽ biết cách giải thích, biện luận đơn giản.	Khoa Ngoại ngữ
15	FL007	Pháp văn tăng cường 1 (*)	4	Nội dung học phần tiếp tục hướng đến mục tiêu giao tiếp trong đời sống hằng ngày như giới thiệu các thành viên trong gia đình; làm quen với một người; kể lại những hoạt động thường ngày; miêu tả người, nơi ở; so sánh về số lượng hoặc chất lượng;... Ngoài ra, các kiến thức về ngôn ngữ, về văn hoá Pháp cũng được lồng ghép vào nội dung chương trình	Khoa Ngoại ngữ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				học.	
16	FL008	Pháp văn tăng cường 2 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 5 cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về thói quen ăn uống, thể thao, việc làm, giáo dục, giao tiếp và giải trí.	Khoa Ngoại ngữ
17	FL009	Pháp văn tăng cường 3 (*)	3	Học phần Pháp văn căn bản 6 sẽ cung cấp cho sinh viên một lượng nội dung kiến thức phong phú, đa dạng về từ vựng, cấu trúc ngữ pháp nhằm giúp sinh viên phát triển một cách toàn diện bốn kỹ năng nghe, nói, đọc, viết liên quan đến sáu chủ đề chính về diễn đạt quan điểm khi nói, nói về những kỉ niệm, những chuyến du lịch, về thói quen, động lực cá nhân, tường thuật lại lời nói của người khác.	Khoa Ngoại ngữ
18	TN033	Tin học căn bản (*)	1	Môn học này cung cấp cho sinh viên những hiểu biết lý thuyết cơ bản về công nghệ thông tin: khái niệm về thông tin, cấu trúc tổng quát của máy tính, hệ điều hành Windows, các lệnh và thao tác để soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail.	Khoa Khoa học Tự nhiên
19	TN034	TT. Tin học căn bản (*)	2	Bằng cách thông qua thực hành trên máy tính, sinh viên được rèn luyện các kỹ năng: Sử dụng hệ điều hành Windows, soạn thảo văn bản bằng Microsoft Word, xử lý bảng tính bằng Microsoft Excel, trình bày báo cáo bằng Microsoft Powerpoint, sử dụng Internet và E-mail. Trong phần thực hành cũng lồng ghép các kỹ năng viết báo cáo khoa học, kỹ năng soạn các bản trình bày trên các máy chiếu đa phương tiện.	Khoa Khoa học Tự nhiên
20	ML014	Triết học Mác – Lênin	3	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về triết học Mác – Lênin bao gồm: Triết học vào vai trò của triết học trong đời sống xã hội, Triết học Mác – Lênin và vai trò của Triết học Mác – Lênin trong đời sống xã hội; Chủ nghĩa duy vật biện chứng: vật chất và ý thức, phép biện chứng duy vật và lý luận nhận thức; Chủ nghĩa duy vật lịch sử: Học thuyết hình thái kinh tế - xã hội, giai cấp và dân tộc, Nhà nước và cách mạng xã hội, ý thức xã hội, triết học về con người.	Khoa Khoa học Chính trị
21	ML016	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	Trong học phần này, sinh viên sẽ được cung cấp những kiến thức cơ bản và chuyên sâu về kinh tế chính trị Mác - Lênin bao gồm; Đối tượng, phương pháp nghiên cứu và chức năng của Kinh tế chính trị Mác - Lênin; Hàng hoá, thị trường và vai trò của các chủ thể khi tham gia thị trường; Giá trị thặng dư trong nền kinh tế thị trường; Cạnh tranh và độc quyền trong nền kinh tế thị trường; Kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và các quan hệ lợi ích kinh tế ở Việt nam.	Khoa Khoa học Chính trị
22	ML018	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	Trong học phần này sinh viên sẽ nghiên cứu những vấn đề lý luận chung về chủ nghĩa xã hội và thực tiễn trong công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta hiện nay. Nội dung chủ yếu của học phần tập trung vào một số vấn đề như: sự ra đời và phát triển của chủ nghĩa xã hội khoa học; sứ mệnh lịch sử	Khoa Khoa học Chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				của giai cấp công nhân, chủ nghĩa xã hội và thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; dân chủ xã hội chủ nghĩa và nhà nước xã hội chủ nghĩa; liên minh giai cấp, tầng lớp; vấn đề dân tộc, tôn giáo; vấn đề về gia đình trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội.	
23	ML019	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	Trang bị cho sinh viên sự hiểu biết về đối tượng, mục đích, nhiệm vụ, phương pháp nghiên cứu, học tập môn Lịch sử Đảng và những kiến thức cơ bản, cốt lõi, hệ thống về sự ra đời của Đảng (1920-1930); quá trình Đảng lãnh đạo cuộc đấu tranh giành chính quyền (1930-1945); lãnh đạo hai cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp và đế quốc Mỹ xâm lược, hoàn thành giải phóng dân tộc, thống nhất đất nước (1945-1975); lãnh đạo cả nước quá độ lên chủ nghĩa xã hội và tiến hành công cuộc đổi mới (1975-2018). Qua đó khẳng định các thành công, nêu lên các hạn chế, tổng kết những kinh nghiệm về sự lãnh đạo cách mạng của Đảng để giúp người học nâng cao nhận thức, niềm tin đối với Đảng và khả năng vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn công tác, góp phần xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa.	Khoa Khoa học Chính trị
24	ML021	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	Cùng với môn học Những Nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác-Lênin, môn Tư tưởng Hồ Chí Minh tạo lập những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam hành động của Đảng và cách mạng nước ta, tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới. Ngoài chương mở đầu, nội dung môn học gồm 7 chương: chương 1 trình bày về cơ sở, quá trình hình thành và phát triển tư tưởng Hồ Chí Minh; từ chương 2 đến chương 7 trình bày những nội dung cơ bản Tư tưởng Hồ Chí Minh theo mục tiêu môn học, cung cấp những hiểu biết có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hóa Hồ Chí Minh.	Khoa Khoa học Chính trị
25	KL001E	Pháp luật đại cương	2	Học phần này được thiết kế giảng dạy cho sinh viên không chuyên ngành Luật. Học phần giới thiệu những vấn đề lý luận cơ bản của học thuyết Mác-Lênin về nhà nước và pháp luật từ nguồn gốc, bản chất, hình thức, chức năng cũng như các kiểu nhà nước và pháp luật đã hình thành, tồn tại và phát triển qua các hình thái kinh tế xã hội khác nhau trong lịch sử nhân loại. Thêm vào đó, học phần cũng bao gồm việc nghiên cứu vị trí của nhà nước trong hệ thống chính trị, cấu thành bộ máy nhà nước, các hệ thống cơ quan nhà nước. Khối lượng lớn kiến thức cơ bản thuộc các ngành luật thông dụng của Việt Nam cũng được giới thiệu như quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân, tội phạm, vi phạm pháp luật hành chính, quy định của pháp luật về kết hôn, ly hôn, thừa kế...	Khoa luật
26	ML007	Logic học đại cương	2	Học phần trang bị những tri thức của logic hình thức. Cung cấp những quy tắc và các yêu cầu của các quy luật cơ bản của tư duy như: Quy luật đồng nhất; Quy luật phi mâu thuẫn; Quy luật gạt bỏ cái thứ ba; Quy luật lý do đầy đủ. Và những hình thức cơ bản của tư duy như: Khái niệm; Phán đoán; Suy luận; Giả thuyết; Chứng minh; Bác bỏ và Ngụy biện.	Khoa Khoa học Chính trị
27	XH028	Xã hội học đại cương	2	Môn học nghiên cứu qui luật, tính qui luật của sự hình thành, vận động biến đổi mối quan hệ, tương tác qua lại giữa con người và xã hội. Đối tượng nghiên cứu của Xã hội học là các quan hệ xã hội, tương tác xã hội biểu hiện qua các hành vi	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				giữa người với người trong các nhóm, các tổ chức, các hệ thống xã hội.	
28	XH011E	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	Nội dung học phần bao gồm những kiến thức chung về văn hóa học và văn hóa Việt Nam, về hệ thống các thành tố, những đặc trưng và quy luật phát triển của văn hóa Việt Nam, các vùng văn hóa Việt Nam; phương pháp tiếp cận tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề của văn hóa Việt Nam; rèn kỹ năng vận dụng kiến thức văn hóa học vào phân tích ngôn ngữ và tác phẩm văn học.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
29	KN001	Kỹ năng mềm	2	Học phần cung cấp các kiến thức cơ bản và hướng dẫn rèn luyện các kỹ năng cần thiết cho người học: kỹ năng giao tiếp, các nguyên lý chung về giao tiếp; các kỹ năng lắng nghe, nói và thuyết trình hiệu quả; kỹ năng làm việc nhóm đảm bảo sự hợp tác tốt trong học tập và làm việc; kỹ năng tư duy sáng tạo; kỹ năng quản lý thời gian và kỹ năng quản lý cảm xúc.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
30	KN002	Đổi mới sáng tạo và khởi nghiệp	2	Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về sáng tạo, đổi mới và hình thành ý tưởng khởi nghiệp, lựa chọn loại hình sở hữu doanh nghiệp, hiểu biết cơ bản về quyền sở hữu trí tuệ. Thêm vào đó, sinh viên còn được cung cấp kiến thức và kỹ năng cơ bản về thị trường như đánh giá thể mạnh, cơ hội, đe dọa, rủi ro thương mại hóa sản phẩm từ ý tưởng kinh doanh, phát hiện tiềm năng kinh doanh và lập kế hoạch khởi nghiệp. Quan trọng hơn, sinh viên có cơ hội được chia sẻ kinh nghiệm khởi nghiệp từ các doanh nhân thành đạt và/hoặc tham quan mô hình khởi nghiệp thành công.	Trung tâm Tư vấn, Hỗ trợ và Khởi nghiệp sinh viên
31	XH012	Tiếng Việt thực hành	2	Học phần được thiết kế thành 4 chương. Mỗi chương gồm hai phần chính được biên soạn đan xen vào nhau: giản yếu về lý thuyết và hệ thống bài tập thực hành. Chương 1 tập trung vào vấn đề về chữ viết và chính tả. Chương 2 tập trung rèn luyện kỹ năng dùng từ. Tương tự, nội dung Chương 3 là rèn luyện kỹ năng về câu. Chương 4 rèn luyện kỹ năng tạo lập và tiếp nhận văn bản.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
32	XH014	Văn bản và lưu trữ học đại cương	2	Môn học Văn bản – Lưu trữ học nhằm trang bị kiến thức lý luận và thực tiễn về văn bản quản lý và tài liệu lưu trữ, giúp sinh viên nhận thức rõ vai trò của văn bản hành chính và tài liệu lưu trữ đối với công tác quản lý. Bên cạnh đó, môn học này còn giúp người học nắm vững phương pháp soạn thảo và quản lý khoa học các loại văn bản hành chính, biết cách lựa chọn, phân loại văn bản để lưu trữ; biết cách tra tìm, sử dụng tài liệu lưu trữ để có thể làm tốt công tác quản lý ở trường học cũng như ở các cơ quan nói chung.	Khoa Khoa học Xã hội và Nhân văn
33	TN099	Vi - Tích phân	4	Học phần cung cấp kiến thức cơ bản về vi-tích phân và ứng dụng. Học phần bao gồm 6 chương. Chương 1 giới thiệu về hàm số, giới hạn và tính liên tục. Chương 2 trình bày về đạo hàm, vi phân của hàm một biến số và ứng dụng. Chương 3 đề cập về tích phân của hàm một biến và ứng dụng. Chương 4 trình bày về vi tích phân của hàm nhiều biến. Chương 5 nói về tích phân hai lớp, ba lớp và ứng dụng của chúng trong hình học, vật lý. Chương 6 trình bày về phương trình vi phân.	Khoa KHTN
34	TN010	Xác suất thống kê	3	Học phần này gồm 5 chương: Chương 1: Xác suất và công thức tính xác suất: Định nghĩa xác suất và những công thức cơ bản của xác suất. Hiểu được xác suất là gì và vận dụng trong thực tế như thế nào. Giúp	Khoa KHTN

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				người học phân tích vấn đề. Chương 2: Biến ngẫu nhiên và luật phân phối xác suất. Tính được các tham số đặc trưng của biến ngẫu nhiên như trung bình, phương sai, độ lệch chuẩn, mode... Chương 3: Thống kê và dữ liệu. Chương này chính là phần thống kê mô tả. Chương 4: Ước lượng tham số. Phương pháp để ước lượng hay dự đoán các tham số của biến ngẫu nhiên như ước lượng trung bình, ước lượng tỉ lệ, ước lượng phương sai bằng hai bài toán ước lượng điểm và ước lượng khoảng. Chương 5: Kiểm định giả thiết thống kê. Đưa ra phương pháp để kiểm định các bài toán trong thực tế như kiểm định về trung bình (so sánh trung bình với một số, so sánh nhiều trung bình...), kiểm định về tỉ lệ (so sánh tỉ lệ với một số, so sánh nhiều tỉ lệ), kiểm định phương sai...	
35	TN013	Đại số tuyến tính	2	Học phần cung cấp kiến thức toán học cơ bản về môn Đại số tuyến tính như: hệ phương trình tuyến tính, ma trận, định thức. Ngoài trang bị các vấn đề về lý thuyết, học phần cũng cung cấp một hệ thống các bài tập đa dạng, sắp xếp từ dễ đến khó và các bài tập nâng cao nhằm nâng cao khả năng tư duy của sinh viên.	Khoa KHTN
36	CN100	Nhập môn kỹ thuật	2	Học phần giới thiệu các sinh viên ngành kỹ thuật cơ bản về các kỹ năng mềm như kỹ năng viết, thuyết trình, trình bày báo cáo kỹ thuật cũng như khả năng giải quyết vấn đề. Song song với các kỹ năng mềm học phần cũng rèn luyện sinh viên về đạo đức nghề nghiệp cũng như xây dựng nhận thức, trách nhiệm của người kỹ sư với sự mong đợi của xã hội. Bên cạnh đó, học phần giới thiệu quy trình thiết kế kỹ thuật, quản lý dự án, các kỹ năng cơ bản trong kỹ thuật, và cung cấp cơ hội học tập sử dụng các công cụ và phần mềm khác nhau của các nhóm ngành kỹ thuật liên quan. Sinh viên sẽ học cách làm việc trong môi trường nhóm, sử dụng các phương pháp thiết kế để giải quyết các vấn đề kỹ thuật đa ngành trong thực tế.	Khoa Công Nghệ
37	KT103	Quản trị học	3	Học phần được thiết kế nhằm cung cấp cho người học những kiến thức nền tảng về quản trị. Nội dung của học phần sẽ giới thiệu các khái niệm về quản trị, những chức năng cơ bản của quản trị, những kỹ năng cần thiết của nhà quản trị. Học phần Quản trị học cũng đề cập đến lịch sử ra đời và phát triển của các học thuyết quản trị; Giới thiệu về các yếu tố môi trường hoạt động của một tổ chức. Thêm vào đó, học phần cũng cung cấp cho người học kiến thức về quá trình thông đạt và quản trị thông tin. Một nội dung nữa là trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng trong việc làm quyết định quản trị.	Khoa Kinh Tế
38	CN542	Kinh tế kỹ thuật	3	Môn học này cung cấp những kiến thức cơ bản cần thiết về kinh tế kỹ thuật như: giá trị theo thời gian của tiền tệ, các kỹ thuật phân tích dòng tiền, cách tính khấu hao, thuế thu nhập doanh nghiệp, ước lượng và quản lý chi phí trong việc ra quyết định.	Khoa Công Nghệ
39	CN208E	Vận trù học 1 - QLCN	3	Nội dung của môn học này là cung cấp cho sinh viên kiến thức cơ bản về mô hình hóa xác định trong quá trình sản xuất, dịch vụ nhằm tìm ra giải pháp tối ưu hay cải thiện các quá trình này. Các nội dung chính của môn học bao gồm các kiến thức về quy hoạch tuyến tính (QH TT), các ứng dụng và thuật toán để giải các bài toán quy hoạch tuyến tính	Khoa Công Nghệ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
40	KC131	Toán ứng dụng	3	Nội dung học phần trình bày các khái niệm trong thống kê, cách thức sử dụng đồ thị và chỉ tiêu thống kê để mô tả số liệu, ứng dụng các mô hình xác suất và phân phối xác suất trong ra quyết định trong kinh tế và kinh doanh, thực hiện những phương pháp thiết kế thí nghiệm phổ biến.	
41	CN340E	Quản lý sản xuất công nghiệp	3	Môn học Quản lý sản xuất công nghiệp trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản và những tình huống cụ thể phải giải quyết trong quá trình quản lý sản xuất ở một đơn vị sản xuất - kinh doanh như xí nghiệp, nhà máy, các dịch vụ cung ứng, phân phối sản phẩm... Công việc cụ thể như dự báo nhu cầu, lập kế hoạch và lịch trình sản xuất, tính toán lựa chọn địa điểm xây dựng nhà máy, hoạch định tổng hợp, quản trị tồn kho và hoạch định nguồn lực để sản xuất đúng thời điểm.	Khoa Công Nghệ
42	KC132E	Quản lý chuỗi cung ứng	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về quản trị chuỗi cung ứng như tích hợp chuỗi cung ứng, hoạch định sản xuất và bán hàng trong chuỗi cung ứng, các chiến lược về giá, xây dựng mạng lưới chuỗi cung ứng, quản lý tồn kho và hệ thống phân phối trong chuỗi cung ứng, các hợp đồng cung ứng. Môn học cũng trang bị những kỹ năng cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận những học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo.	Khoa Công Nghệ
43	KC134	Quản lý Logistics	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về logistics, quản trị logistics như quản lý dịch vụ khách hàng, mạng lưới logistics, hệ thống vận tải, các quyết định về tồn kho, cung ứng. Học phần cũng đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để ứng dụng xây dựng, cải thiện hiệu quả hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.	Khoa Công Nghệ
44	KC135E	Kỹ thuật dự báo trong công nghiệp	3	Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức về dự báo như: tầm quan trọng trong dự báo, các nguyên tắc và kỹ thuật tiến hành dự báo, các phương pháp dự báo và đánh giá dự báo. Từ đó có thể vận dụng vào việc dự báo nhu cầu hoặc khuynh hướng phát triển trong tương lai, hỗ trợ công tác hoạch định và điều độ chuỗi cung ứng hiệu quả.	Khoa Công Nghệ
45	KC136	Kiểm Soát và Quản Lý Chất Lượng	3	Môn học cung cấp cho sinh viên các kiến thức liên quan tới quản lý chất lượng như: các khái niệm cơ bản về chất lượng, chi phí chất lượng, kiểm tra và đánh giá chất lượng, các hệ thống chất lượng và chất lượng trong dịch vụ. Bên cạnh đó môn học còn cung cấp cho người học một số công cụ như: các công cụ thống kê, QFD để kiểm soát và triển khai chức năng chất lượng.	Khoa Công Nghệ
46	KC137	Quản lý dự án Công Nghiệp	3	Cung cấp cho sinh viên những kiến thức về tổng thể của dự án như: quản lý, kỹ thuật, các khía cạnh về kinh tế, tài chính trong mỗi giai đoạn của dự án. Nội dung chính gồm: giới thiệu về sự phát triển và quản lý dự án, các giai đoạn của việc lập kế hoạch và quản lý dự án, tổ chức nhân sự và điều hành dự án, kỹ thuật quản lý dự án.	Khoa Công Nghệ
47	KC138	Tin học ứng dụng- Logistics	3	Ứng dụng Excel Solver để giải các bài toán tối ưu hóa trong lĩnh vực quản lý công nghiệp; hoạt động logistics và quản lý chuỗi cung ứng. Phân tích mô hình toán tối ưu trong các vấn đề ví dụ và thực tế, diễn đạt mô hình này theo công thức toán học và bằng ngôn ngữ Lingo. Giải mô hình và đưa ra lời giải thích hoặc tập hợp nghiệm tối ưu cho mô hình.	Khoa Công Nghệ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
48	KC139	Anh văn chuyên môn – Logistics	3	Học phần trang bị cho sinh viên kiến thức cơ bản liên quan đến việc sử dụng tiếng Anh trong chuyên ngành Logistics & Quản lý chuỗi cung ứng. Các nội dung của học phần bao gồm giới thiệu về tổng quan về các thuật ngữ, định nghĩa, những bài đọc ngắn, bài báo, tạp chí chuyên ngành và bài tập với các từ vựng, ngữ pháp chuyên ngành tiếng Anh... Thông qua đó, học phần giúp cho sinh viên rèn luyện những kỹ năng như nghe, nói, đọc, viết cũng như phương pháp tổng hợp thông tin.	Khoa Công Nghệ
49	KC338	Vận tải hàng hóa	3	Vận tải hàng hóa là một hoạt động đóng một vai trò vô cùng quan trọng trong chuỗi cung ứng và hệ thống Logistics. Học phần vận tải hàng hóa là môn học nghiên cứu nhằm hỗ trợ kiến thức và cái nhìn tổng quát về vận tải hàng hóa, dự báo hàng hóa, các phương tiện và phương thức vận tải hàng hóa thông qua đường biển, đường sắt, đường hàng không, và đường bộ. Đặc biệt, môn học tập trung vào việc vận dụng tối ưu hóa trong thiết kế và quản lý mạng lưới vận tải hàng hóa liên kết giữa các thành phần trong chuỗi cung ứng sao cho hiệu quả về mặt kinh tế và môi trường.	Khoa Công Nghệ
50	KC413	Thiết kế và vận hành nhà kho	3	Môn học nhằm giới thiệu cho sinh viên những kiến thức về quản lý vật tư, quản lý kho, ra quyết định thu mua. Ngoài ra môn học còn đề cập đến kỹ thuật phân tích giá trị trong kinh doanh, tổ chức kinh doanh, kiểm soát vật tư đầu vào cũng như đảm bảo chất lượng, vận chuyển, phân phối, quản lý phế phẩm và vật tư thừa, các tiêu chí đánh giá hiệu quả quản lý hệ thống tồn kho.	Khoa Công Nghệ
51	KC414	Quản lý thu mua	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về quản trị thu mua trong chuỗi cung ứng và cho thấy nó có thể đóng góp như thế nào cho chiến lược kinh doanh và hoạt động cuối cùng của tổ chức. Học phần này nhằm mục đích khám phá các chiến lược thu mua chính và ứng dụng của các chiến lược này trong chuỗi cung ứng, và để phát triển các quyết định thu mua, ý nghĩa và khuôn khổ chính của các chiến lược.	Khoa Công Nghệ
52	KC415	Quản lý hệ thống phân phối	3	Quản lý phân phối hàng hóa là hoạt động vô cùng quan trọng của chiến lược chuỗi cung ứng để tăng sự hài lòng của khách hàng và lợi thế cạnh tranh. Học phần quản lý phân phối hàng hóa hỗ trợ người học nắm vững chắc về những khía cạnh khác nhau của việc phân phối sản phẩm từ lý thuyết và thực tế. Đặc biệt, môn học tập trung việc vận dụng tối ưu những chiến lược để quản lý, phân tích mạng lưới phân phối sao cho có hiệu quả về kinh tế.	Khoa Công Nghệ
53	KC416	Marketing Logistics	3	Sinh viên sẽ được cung cấp các kiến thức về quản trị marketing, các phương pháp hoạch định, phân tích thị trường, đối thủ cạnh tranh. Qua đó xây dựng chiến lược marketing hỗn hợp cho các dịch vụ logistics nhằm giúp cải thiện hiệu quả hoạt động logistics và chuỗi cung ứng.	Khoa Công Nghệ
54	KC417	Hệ thống thông tin logistics	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan hệ thống thông tin trong chuỗi cung ứng, hệ thống thông tin hỗ trợ ra quyết định, quản lý tồn kho và phân phối trong chuỗi cung ứng, hệ thống thông tin xây dựng mạng lưới chuỗi cung ứng, hệ thống thông tin hỗ trợ hoạch định nguồn lực doanh nghiệp và xây dựng hệ thống thông tin trong chuỗi cung ứng.	Khoa Công Nghệ
55	CN551	Kỹ Thuật Điều Độ	3	Kỹ thuật điều độ trong sản xuất và dịch vụ đưa ra xem xét các kỹ thuật điều độ, bắt đầu từ nguyên tắc cơ bản và dẫn đến	Khoa Công

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
		trong SX & DV		các thuật toán và hệ thống điều độ trên máy tính. Môn học này sẽ áp dụng những kỹ thuật này cho các bài toán trong kế hoạch điều độ sản xuất và kế hoạch điều độ nguồn lực. Điều độ sẽ giúp chúng ta phối hợp các hoạt động riêng lẻ của phần tử lại với nhau để đạt được những mục tiêu của hệ thống.	Nghệ
56	KC418E	Mô hình ra quyết định trong chuỗi cung ứng	3	Môn học trang bị kiến thức cơ bản và kỹ năng ứng dụng các mô hình ra quyết định như mô hình quy hoạch tuyến tính, điều độ nguồn lực, tuyến đường vận tải, kỹ thuật phân tích thống kê, giải thuật di truyền trong các bài toán thực tế. Từ đó hỗ trợ các nhà quản trị ra quyết định thích hợp, cải thiện hiệu quả quản trị logistics và chuỗi cung ứng.	Khoa Công Nghệ
57	KC419	Mô hình hóa và Mô phỏng – Logistics	3	Học phần này nhằm hỗ trợ thêm kiến thức và cái nhìn tổng quát về việc sử dụng lợi thế của mô hình mô phỏng để giải quyết các vấn đề liên quan đến thiết kế và phân tích các hệ thống logistics và chuỗi cung ứng phức tạp và ngẫu nhiên. Ngoài ra, học phần còn cung cấp cho sinh viên một công cụ hỗ trợ mô phỏng trên máy tính để phân tích đánh giá, so sánh, lựa chọn phương án tốt để cải thiện hệ thống. Nội dung của học phần bao gồm giới thiệu mô phỏng, xác suất thống kê liên quan, phương pháp mô phỏng, hướng dẫn sử dụng Arena, phân tích dữ liệu đầu vào, mô phỏng một hình mô phỏng, kiểm chứng & hợp thức hoá mô hình, và phân tích dữ liệu đầu ra.	Khoa Công Nghệ
58	KC420	Đồ án Logistics 1 (Thiết kế hệ thống Logistics)	2	Học phần Đồ án môn học Logistics 1 (Thiết kế hệ thống Logistics) là một học phần chuyên ngành trong chương trình đào tạo ngành Logistics và quản lý chuỗi cung ứng, nhằm giúp cho sinh viên vận dụng các kiến thức về phương pháp định lượng trong việc thiết kế hệ thống Logistics cho chuỗi cung ứng cụ thể. Thông qua đó, sinh viên làm quen với việc khảo sát, thu thập thông tin, tính toán, thiết kế, bố trí vị trí và phân bổ năng lực khai thác của các thành phần trong chuỗi cung ứng một cách hợp lý	Khoa Công Nghệ
59	KC421	Đồ án 2 (Phân tích tính khả thi hệ thống Logistics)	2	Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức cơ bản để phân tích tính khả thi của hệ thống logistics, đánh giá, so sánh các phương án xây dựng hệ thống logistics, từ đó đề xuất xây dựng một hệ thống logistics gắn với chuỗi cung ứng của một sản phẩm trong thực tế.	Khoa Công Nghệ
60	KC422	Đồ án Mô hình hóa - Mô phỏng – Logistics	2	Học phần giúp sinh viên vận dụng các kiến thức về mô hình hóa & mô phỏng để giải quyết các vấn đề thực tế liên quan đến năng suất và chi phí trong chuỗi cung ứng và hệ thống Logistics với các tham số ngẫu nhiên. Cụ thể, sinh viên sẽ sử dụng một công cụ mô phỏng để tối ưu hóa việc thiết kế mặt bằng nhà kho, mạng lưới chuỗi cung ứng, mạng lưới vận tải, bến cảng xếp dỡ hàng hóa... Nội dung của học phần này bao gồm giới thiệu vấn đề nghiên cứu, tìm hiểu tài liệu, bài toán nghiên cứu, xây dựng mô hình, giải quyết bài toán, kết luận và kiến nghị.	Khoa Công Nghệ
61	KC423	Thực tập ngành nghề - Logistics	2	Học phần nhằm tạo cơ hội cho sinh viên tiếp cận với môi trường làm việc thực tế tại doanh nghiệp để tìm hiểu về nội quy, quy trình quản lý và tổ chức vận hành hệ thống logistics và chuỗi cung ứng. Từ đó, sinh viên có thể như cập nhật những kiến thức mới, kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng phân tích, tổng hợp các kiến thức đã học, sự chủ động trong công việc.	Khoa Công Nghệ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
62	KC424	Khai thác dữ liệu trong chuỗi cung ứng	3	Học phần bao gồm: giải thích tầm quan trọng của khai thác dữ liệu phục vụ cho việc ra quyết định trong chuỗi cung ứng, giới thiệu các kỹ thuật khai thác dữ liệu, các phương pháp biến đổi dữ liệu thô đã thu thập thành thông tin và kiến thức bổ ích, và các ứng dụng trong quản lý chuỗi cung ứng. Nội dung học phần bao gồm: giới thiệu môn học, giới thiệu về khai phá dữ liệu, hiểu dữ liệu và tiền xử lý dữ liệu, phân cụm dữ liệu, phân lớp dữ liệu, tài nguyên cho khai thác dữ liệu, xu thế của khai thác dữ liệu.	Khoa Công Nghệ
63	CN552E	Phương pháp nghiên cứu và viết báo cáo khoa học	2	Học phần cung cấp cho người học các nội dung liên quan đến những khái niệm nghiên cứu khoa học, các loại hình nghiên cứu khoa học, phương pháp tổ chức và thực hiện một nghiên cứu khoa học, phương pháp trình bày một bài báo khoa học ở dạng báo cáo tổng thể, báo cáo tóm tắt, bài báo khoa học. Đồng thời rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng cứng cần thiết trong việc thực hiện nghiên cứu khoa học, các kỹ năng mềm để sử dụng trong báo cáo thuyết trình, báo cáo khoa học. Học phần cũng giới thiệu các định dạng, biểu mẫu quy định của một đề cương NCKH hay một bài báo cáo khoa học	Khoa Công Nghệ
64	KC393	Nghiên cứu và phát triển sản phẩm	3	Trang bị những kiến thức về phương pháp nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới có sự liên kết chặt chẽ giữa các chức năng trong tổ chức. Sau khi hoàn tất môn học, sinh viên nắm vững được các bước trong quá trình phát triển sản phẩm, có khả năng tham gia nhóm dự án nghiên cứu và phát triển sản phẩm, nhanh chóng nhận dạng và đáp ứng nhu cầu khách hàng bằng những sản phẩm có chất lượng cao với chi phí thấp, nâng cao kỹ năng làm việc nhóm.	Khoa Công Nghệ
65	KC425	Thiết kế vị trí mặt bằng HTCN	3	Học phần Thiết kế vị trí & mặt bằng HTCN nhằm giới thiệu cho sinh viên những dạng bài toán mặt bằng thực tế bao gồm thiết kế mới hay tái thiết kế hệ thống sản xuất, và chỉ ra cách thức tiếp cận hoạch định mặt bằng một cách sáng tạo và hiệu quả nhất. Ngoài ra, môn học sẽ trang bị các hướng dẫn cụ thể, chi tiết các bước trong quá trình bố trí mặt bằng từ việc định nghĩa các yêu cầu phát triển các phương thức nâng chuyển vật tư và vận hành hoạt động trong nhà xưởng, nhà kho cho đến việc đánh giá, lựa chọn các phương án bố trí thiết bị, nhà máy. Các công cụ định lượng và các nguyên tắc thiết kế kỹ thuật nhằm đạt được bố trí hiệu quả và thành công cao, các xu hướng mới, các bài toán mới hiện nay cũng sẽ được giới thiệu.	Khoa Công Nghệ
66	KC426	Quản Lý Kỹ Thuật và Công Nghệ	3	Giới thiệu chung về cơ sở quản lý kỹ thuật và công nghệ như vai trò, mục tiêu và phạm vi của quản lý kỹ thuật và công nghệ, tìm hiểu về môi trường công nghệ như cơ sở hạ tầng công nghệ, các yếu tố ảnh hưởng và cách xác định chỉ số môi trường công nghệ từ đó dựa trên một số nguyên tắc để tiến hành đánh giá công nghệ, nêu lên các phương pháp lựa chọn công nghệ thích hợp, cách phân loại và tiến hành đổi mới công nghệ, phương pháp phân tích và các biện pháp nâng cao năng lực công nghệ, quá trình chuyển giao công nghệ, quản lý Nhà nước về kỹ thuật và công.	Khoa Công Nghệ
67	KC427	Lập kế hoạch & Vận hành cảng	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về cảng biển, môi trường hoạt động, cách thức vận hành của các bến cảng được phân tích để thiết lập các yêu cầu về năng lực và hiệu quả hoạt động của bến, tạo cơ sở cho việc thiết	Khoa Công Nghệ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				kế và phát triển cảng. Môn học đưa ra những phương pháp giảng dạy kết hợp giữa lý thuyết và thực tế, giúp sinh viên dễ dàng tiếp cận và nắm vững kiến thức cũng như kỹ năng liên quan đến lập kế hoạch và vận hành cảng.	
68	KT336	Nghiệp vụ ngoại thương	3	Nội dung môn học bao gồm các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh xuất nhập khẩu của doanh nghiệp. Thứ nhất, môn học trình bày những quy định pháp lý điều chỉnh hoạt động thương mại của doanh nghiệp như Luật thương mại, Luật xuất nhập khẩu, Luật Hải quan. Đồng thời, môn học cũng nêu các quy định quốc tế có liên quan đến hoạt động xuất nhập khẩu hàng hóa của doanh nghiệp, chẳng hạn như các điều kiện thương mại quốc tế (Incoterms). Tiếp theo, môn học giới thiệu các phương thức thương mại và phương thức thanh toán quốc tế thông dụng, để hướng dẫn vận dụng vào hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Cuối cùng, môn học trình bày các nghiệp vụ cơ bản trong quá trình thực hiện hợp đồng ngoại thương, bao gồm soạn thảo và kiểm tra hợp đồng ngoại thương, lập và kiểm tra bộ chứng từ xuất nhập khẩu hàng hóa.	Khoa Kinh Tế
69	KT224E	Vận tải và bảo hiểm ngoại thương	3	Nội dung môn học được chia làm hai phần cơ bản: vận tải và bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển. - Vận tải hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển: sơ lược về dịch vụ giao nhận hàng hóa, bao bì, thuê tàu và các khía cạnh pháp lý, chứng từ vận tải... - Bảo hiểm hàng hóa xuất nhập khẩu bằng đường biển: sơ lược lịch sử hình thành, những vấn đề liên quan đến các điều khoản bảo hiểm, hợp đồng bảo hiểm, rủi ro, tổn thất, giám định và bồi thường tổn thất...	Khoa Kinh Tế
70	KT337	Thương mại điện tử	3	Mô tả tóm tắt nội dung học phần: Nội dung của môn học tập trung vào những kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, cách thức giao dịch trong thương mại điện tử và một số nghiệp vụ cơ bản trong kinh doanh điện tử.	Khoa Kinh Tế
71	KT316	Kinh doanh quốc tế	3	Học phần này cung cấp cho người học kiến thức và kỹ năng phân tích về đặc điểm chiến lược kinh doanh quốc tế của các công ty, môi trường vĩ mô, vi mô trong chiến lược kinh doanh quốc tế. Thêm vào đó, ảnh hưởng của môi trường văn hóa, thể chế, đạo đức đến chiến lược kinh doanh quốc tế cũng được tìm hiểu trong học phần này. Đồng thời, đặc điểm và hình thức gia nhập thị trường nước ngoài của công ty được nghiên cứu trong học phần này.	Khoa Kinh Tế
72	KT286	Quản trị rủi ro trong kinh doanh	3	Học phần Quản trị rủi ro kinh doanh cung cấp kiến thức nền tảng và kỹ năng về quản trị rủi ro, phân tích và nhận dạng được các loại rủi ro đặc thù đối với mỗi doanh nghiệp, đo lường được mức độ ảnh hưởng của rủi ro đối với doanh nghiệp, xây dựng được các chương trình hành động nhằm kiểm soát rủi ro và lựa chọn phương án tài trợ thích hợp cho từng loại rủi ro trong phạm vi cho phép để đảm bảo đạt được mục tiêu và kế hoạch doanh nghiệp đã đặt ra.	Khoa Kinh Tế
73	KC431	Luận văn tốt nghiệp- Logistics	10	Học phần này tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề cụ thể đồng thời cập nhật những kiến thức mới trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng. Qua đó, sinh viên hệ thống lại kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, viết	Khoa Công Nghệ

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				báo cáo và thuyết trình, tác phong và thái độ làm việc.	
74	KC432	Tiểu luận tốt nghiệp-Logistics	4	Học phần này tạo cơ hội cho sinh viên vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề cụ thể đồng thời cập nhật những kiến thức mới trong lĩnh vực logistics và chuỗi cung ứng. Qua đó, sinh viên hệ thống lại kiến thức chuyên ngành trước khi tốt nghiệp, rèn luyện kỹ năng giao tiếp, viết báo cáo và thuyết trình, tác phong và thái độ làm việc.	Khoa Công Nghệ
75	KC428	Quy hoạch công nghiệp	3	Nội dung gồm 2 phần trình bày trong 8 chương Phần 1. Gồm 3 chương: Giới thiệu tổng quan về khu sản xuất đô thị, khái niệm, vai trò của KCN với sự phát triển kinh tế - xã hội; quy hoạch chung khu công nghiệp, cơ sở hình thành và chọn lựa địa điểm xây dựng khu công nghiệp; quy hoạch các khu chức năng của khu công nghiệp. Phần 2. Gồm 5 chương: Giới thiệu các khái niệm cơ bản trong thiết kế nhà máy; Lập luận kinh tế kỹ thuật; Thiết kế kỹ thuật; Bố trí phân xưởng sản xuất và Tổng mặt bằng nhà máy	Khoa Công Nghệ
76	KC429	Logistics quốc tế	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức về logistics quốc tế, quản trị logistics quốc tế như quản lý dịch vụ khách hàng, mạng lưới logistics quốc tế, hệ thống vận tải, các quyết định về tồn kho, cung ứng. Học phần cũng đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để ứng dụng xây dựng, cải thiện hiệu quả hoạt động logistics và chuỗi cung ứng quốc tế.	Khoa Công Nghệ
77	KC430	Quản lý Logistics ngược và tính bền vững	3	Học phần trang bị cho người học những kiến thức tổng quan về logistics ngược, quản trị logistics ngược như quản lý dịch vụ khách hàng, mạng lưới logistics thu hồi, hệ thống vận tải, các quyết định về tồn kho định hướng đến tính bền vững. Học phần cũng đồng thời trang bị cho sinh viên những kỹ năng cần thiết để ứng dụng xây dựng, cải thiện hiệu quả hoạt động logistics khép kín và chuỗi cung ứng bền vững.	Khoa Công Nghệ
78	KC392	Sản xuất tinh gọn	3	Môn học này sẽ bao gồm các nguyên tắc và kỹ thuật sản xuất tinh gọn. Nội dung bao gồm các tổng quan sản xuất tinh gọn, 5S và quản lý trực quan, tiêu chuẩn hóa công việc, bảo trì năng suất tổng thể, chuyển đổi nhanh, PDCA và giải quyết tận gốc vấn đề để cải tiến, hệ thống Full và Kanban, lưu đồ chuỗi giá trị, mặt bằng tinh gọn, tự động ngăn ngừa sai lỗi.	Khoa Công Nghệ
79	CN212	Kỹ thuật hệ thống	2	Học phần giới thiệu cho người học các khái niệm về quy trình kỹ thuật hệ thống. Nội dung học phần được xây dựng bao gồm các bước trong quy trình kỹ thuật hệ thống gồm từ xác định nhu cầu, định nghĩa yêu cầu hệ thống, phát triển ý niệm, phân tích thương lượng, thiết kế sơ khởi, thiết kế chi tiết, thử nghiệm đánh giá và vận hành hệ thống.	Khoa Công Nghệ

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Phương pháp giảng dạy và học tập được lựa chọn trên cơ sở đáp ứng chuẩn đầu ra của học phần, mục tiêu và chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo nhằm phát triển khả năng khám phá kiến thức, khả năng nhận thức và khả năng kiến tạo ra kiến thức mới của người học. Tùy thuộc vào đặc trưng về nội dung của từng học phần, mà giảng viên sử dụng các hình thức dạy học và phương pháp dạy học khác nhau. Đối với hình thức tổ chức dạy học có thể gồm những hình thức như: dạy trực tiếp trên lớp học hay ngoài cộng đồng (tại những cơ sở sản xuất, kinh doanh) hoặc dạy học trực tuyến. Đối với phương pháp dạy và học, giảng viên có thể sử dụng độc lập hoặc kết hợp nhiều phương pháp dạy học đa dạng như sau: phương pháp quan sát, phương pháp trải nghiệm thực tế, phương pháp học qua dự án, phương pháp nghiên cứu trường hợp, phương pháp học qua tình huống, phương pháp giải quyết vấn đề, phương pháp thuyết trình, phương pháp tra cứu, phương pháp thảo luận nhóm, phương pháp diễn giảng, đàm thoại gợi mở, minh họa thực hành, trò chơi và tự học độc lập.

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp đánh giá lựa chọn phù hợp với nội dung học phần và phù hợp với phương pháp dạy và học đồng thời đảm bảo đo được chuẩn đầu ra mà chương trình đào tạo mong muốn người học đạt được. Có hai hình thức đánh giá người học được giảng viên sử dụng phổ biến trong quá trình đào tạo là đánh giá thường xuyên (đánh giá liên tục trong suốt tiến trình đào tạo) và đánh giá tổng hợp thực hiện định kỳ vào giữa và cuối các tiến trình học tập (ví dụ như đánh giá giữa học kỳ và đánh giá cuối học kỳ). Các phương pháp đánh giá trực tiếp và gián tiếp thông qua: trắc nghiệm, tự luận, bài kiểm tra ngắn, câu trả lời ngắn, ý kiến thảo luận, sản phẩm của nhóm, bài thuyết trình, hình vẽ, sơ đồ, bài viết, nhật ký học tập, kiểm tra thực hành, bài tập cá nhân, bài tập nhóm, vấn đáp, báo cáo, khóa luận tốt nghiệp,...

- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỜNG KHOA**



Nguyễn Văn Cương

Cần Thơ, ngày 15 tháng 9 năm 2022

P. TRƯỞNG BỘ MÔN



Nguyễn Thị Lệ Thủy